

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 9 - 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thanh Hải.

Ông Võ Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2020 anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim P tự nguyện chung sống với nhau năm 1993 trên tin thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cự cãi, không quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mặc dù đã hàn gắn tuy nhiên không mang lại kết quả, hiện nay anh và chị P đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim P.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Kim P có 02 người con chung tên Trần Trọng N, sinh năm 1994 và Trần Hưng T, sinh ngày 09/10/2002. Đối với Trần Trọng N hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Đối với Trần Hưng T sau khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Kim P Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản Tổ tụng của Tòa án cho chị P và đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị P vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Trần Văn T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Kim P Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tuy nhiên chị P vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim P tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Kim P được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặt dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh T và chị P đã sống ly thân với nhau. Xét thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T và chị P thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến ngày xét xử anh T và chị P vẫn không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị P. Hôn nhân của anh T và chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị thì cũng không thể đảm bảo mang lại hạnh phúc cho đôi bên. Do đó, không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Kim P là vợ là chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Kim P có 02 người con chung tên Trần Trọng N, sinh năm 1994 và Trần Hưng T, sinh ngày 09/10/2002. Sau khi ly hôn đối với Trần Trọng N đã trưởng thành không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Hưng T, sinh ngày 09/10/2020 xét thấy hiện nay cháu T đang sống cùng chị P lại có nguyện vọng được sống cùng chị P do đó giao con lại cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc con theo luật định.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Kim P tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 14 khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không công nhận anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Kim P là vợ chồng.

Giao 01 người con chung tên Trần Hưng T, sinh ngày 09/10/2002, hiện nay đang sống cùng chị Nguyễn Thị Kim P cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị P.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006184 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Viên An, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

